

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may, thuê xuất khẩu Sơn Hà Duy Xuyên tại CCN Gò Mỹ, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam;

Xét Văn bản số 05/SHDX ngày 14/7/2022 của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Nhà máy may, thuê xuất khẩu Sơn Hà Duy Xuyên tại CCN Gò Mỹ, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Văn bản số 1011/SHDX ngày 10/11/2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở và các hồ sơ pháp lý liên quan kèm theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 101/TTr-CCBVMT ngày 19/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Tây An, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may, thuê xuất khẩu Sơn Hà Duy Xuyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy may, thuê xuất khẩu Sơn Hà Duy Xuyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Gò Mỹ, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 4001005054 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 25/11/2014; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 7028478558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2015, chứng nhận thay đổi lần 01 ngày 09/12/2015.

1.4. Mã số thuế: 4001005054.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Tổng diện tích Cơ sở là 27.363 m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 136300 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/5/2020).

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: 11.850.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình thu gom, xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình thu gom, xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Giấy phép môi trường thành phần là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3581/GP-UBND ngày 11/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giấy phép môi trường của Cơ sở là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Sơn Hà Duy Xuyên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở TN&MT (báo cáo);
- UBND huyện Duy Xuyên;
- Phòng TN&MT huyện Duy Xuyên;
- Cổng thông tin điện tử của Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam (<https://stnmt.quangnam.gov.vn>);
- Lưu: VT, website, BVMT.

D:\LÀM VIỆC\2a. Giấy phép môi trường\Năm 2022\5. Duy Xuyen
 \3. Sơn Hà Duy Xuyên\7. GPMT máy theo Sơn Hà Duy Xuyên.doc

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1003/GPMT-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, nhà ăn).
- Nguồn số 02: nước thải công nghiệp tại khu vực lò hơi (nước xả đáy lò hơi và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cơ sở có 01 dòng nước thải xả vào mương tiêu nước phía Tây cơ sở tại thôn Phú Nhuận 2, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn cho phép từ bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải theo đường ống uPVC D34, dài 8m tự chảy ra hố ga tập trung có kích thước (0,6 x 0,6 x 0,6)m, sau đó theo đường ống uPVC D114, dài 900m dẫn ra mương tiêu nước phía Tây cơ sở tại thôn Phú Nhuận 2, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°): X(m): 1749156; Y(m): 537984.

- Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận nước thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°): X(m): 1748668; Y(m): 537943.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải*: Nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra môi trường bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải*: gián đoạn trong ngày, xả các ngày trong năm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận*

Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K_q =0,9 và K_f =1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	pH	-	5,5 - 9		
3	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	49,5		
4	COD	mg/l	148,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
7	Sunfua	mg/l	0,495		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
9	Tổng nitơ	mg/l	39,6		
10	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94		
11	Clorua	mg/l	990		
12	Coliform	Vi khuẩn /100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom, đầu nối nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn, cùng với nước rửa tay, rửa mặt (sau khi tách rác) theo đường ống bê tông ly tâm (D300, $i=0,3\%$), dài 315m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn được tách rác tự chảy về bể tách dầu mỡ. Phần nước sẽ theo đường ống uPVC (D114, $i = 0,3\%$), dài 75m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để tiếp tục xử lý; phần dầu mỡ tách ra Công ty thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải công nghiệp:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình đập bụi của hệ thống xử lý khí thải được tuần hoàn tái sử dụng tại bể đập bụi (kích thước (0,6x1,7x1,2)m) và định kỳ thay mới, xả theo đường ống uPVC D114, dài 3m tự chảy về hố ga tập trung có kích thước (0,8 x 0,8)m.

+ Nước thải từ quá trình xả cặn đáy lò hơi theo đường ống uPVC D114, dài 4m tự chảy về hố ga tập trung.

Toàn bộ nước thải công nghiệp từ hố ga tập trung theo đường ống uPVC D114, dài 95m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ:

+ Xây dựng 05 bể tự hoại 03 ngăn (03 bể tại khu vực xưởng may, 01 bể tại nhà ăn và 01 bể tại khối văn phòng) với tổng thể tích 35m^3 để xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh của Cơ sở.

+ Xây dựng 01 bể tách dầu mỡ với thể tích $0,567\text{m}^3$, kích thước $(0,9 \times 0,9 \times 0,7)\text{m}$ để xử lý sơ bộ nước thải từ nhà ăn.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở:

+ Công suất thiết kế: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở: Nước thải $\rightarrow$ Hố gom $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể kỵ khí $\rightarrow$ Bể sinh học hiếu khí $\rightarrow$ Bể MBR $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Hố ga sau xử lý $\rightarrow$ Mương tiêu nước phía Tây cơ sở tại thôn Phú Nhuận 2, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,1$). Tọa độ điểm xả thải (theo hệ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°) là X(m): 1749156; Y(m): 537984.

+ Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải: Ô zôn, dinh dưỡng (đường kính trắng).

+ Bùn phát sinh từ bể màng MBR của hệ thống xử lý nước thải được bơm tuần hoàn về bể kỵ khí và bể sinh học hiếu khí.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Khi xảy ra sự cố, dừng ngay hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời trong bể điều hòa và tiến hành khắc phục sự cố trong thời gian nhanh nhất. Trường hợp sự cố kéo dài, tạm ngưng sản xuất cho đến khi đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước để tăng khả năng thoát nước.

- Lắp đặt công tơ điện riêng để theo dõi quá trình hoạt động của hệ thống.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Chủ cơ sở cam kết chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại về môi trường do sự cố hoạt động của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở gây ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Hồ ga tập trung sau hệ thống xử lý nước thải có tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1749156; Y(m): 537984.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,1$)
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	49,5
4	COD	mg/l	148,5
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9
7	Sunfua	mg/l	0,495
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9
9	Tổng nitơ	mg/l	39,6
10	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,94
11	Clorua	mg/l	990
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

Lấy mẫu 05 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định: ngày 27/02/2023; ngày 28/02/2023; ngày 01/3/2023, ngày 02/3/2023, ngày 03/3/2023.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

3.3. Yêu cầu phải đấu nối nước thải của Nhà máy vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Gò Mỹ khi Cụm công nghiệp Gò Mỹ có hệ thống hạ tầng thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung. Chịu hoàn toàn

trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gò Mỹ để tiếp tục xử lý.

3.4. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải ra môi trường khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Cơ sở gây ra.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, UBND huyện Duy Xuyên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duy Xuyên và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

3.6. kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định trong trường hợp chưa đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Gò Mỹ.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI QUẢN LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1003/GPMT-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: khí thải phát sinh từ lò hơi (đốt than, củi).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Khí thải từ lò hơi sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 1$) được xả ra môi trường qua ống khói (D300, cao 15m).

- Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X(m): 1749160; Y(m): 537989.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Khí thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn theo ống khói xả ra môi trường không khí xung quanh Cơ sở tại thôn Phú Nhuận 2, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; chế độ xả không liên tục trong ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:*

- Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, $K_v=1$, $K_p=1$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải lò hơi được thu gom bằng đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải để xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi (1,5 tấn hơi/giờ) của Cơ sở (sử dụng nhiên liệu củi, than) với quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone → Tháp lọc bụi ướt → Ống khói (D300, cao 15m). Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1$) được xả ra môi trường không khí xung quanh Cơ sở tại Cụm công nghiệp Gò Mỹ, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- Công suất công trình xử lý khí thải: 6.000 m³/giờ.
- Chế độ vận hành: Đồng bộ với quá trình vận hành lò hơi.
- Hóa chất dùng cho hệ thống xử lý khí thải: không sử dụng.
- Tổng hợp các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Cyclone khô	- Số lượng: 01 cái - Đường kính: D700 - Chiều cao phần hình trụ tròn: 0,8m; Chiều cao phần côn: 1,75m - Vật liệu: inox SUS304
2	Tháp lọc bụi ướt	- Số lượng: 01 cái - Đường kính: D700 - Chiều cao: 3m - Vật liệu: inox SUS304
3	Ống khói	- Số lượng: 01 cái - Đường kính: D300 - Chiều cao: 15m - Vật liệu: Thép CT3
4	Quạt hút	- Số lượng: 01 cái - Chung loại: quạt ly tâm - Công suất N = 7,5 kW - Lưu lượng Q = 6000 m³/h
5	Bơm nước	- Số lượng: 01 cái - Chung loại: bơm ly tâm trục ngang - Công suất N = 1 HP - Lưu lượng: Q = 8 m³/h; Cột áp: H = 12m

- Nước thải từ quá trình rửa khí tại tháp lọc bụi ướt được thu gom về bể chứa nước dập bụi, tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ xả ra thu gom qua đường ống uPVC D114 dẫn về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cơ sở. Bụi tro (đáy Cyclone) và bùn sau khi lắng được thu gom, lưu giữ trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành đúng quy trình kỹ thuật, công suất thiết kế.
- Định kỳ kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tra dầu mỡ bôi trơn các ổ trục.
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải, theo dõi, giám sát quá trình hoạt động bảo đảm sự ổn định của hệ thống.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.
- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Ống khói sau hệ thống xử lý nước thải có tọa độ (theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X(m): 1749160; Y(m): 537989.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_v=1$, $K_p=1$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

2.3. Tần suất lấy mẫu

Lấy mẫu 05 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định: ngày 27/02/2023; ngày 28/02/2023; ngày 01/3/2023, ngày 02/3/2023, ngày 03/3/2023.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định.

3.3. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả khí thải ra môi trường khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của mình gây ra theo quy định.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, UBND huyện Duy Xuyên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Duy Xuyên và các cơ quan có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng môi trường do việc xả khí thải gây ra.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1003/GPMT-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

Cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại thường xuyên với khối lượng cụ thể như sau:

TT	Chủng loại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 02 02	13
2	Dầu thải	Lỏng	15 02 05	15
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3
4	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/Lỏng	16 01 08	10
5	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	Rắn/Lỏng	16 01 09	20
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	12
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	6
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	55
	Tổng			134

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 28.614 kg/tháng.

- Nguyên phụ liệu may mặc (vải thừa, chỉ thừa): 20.817 kg/tháng.
- Chất thải rắn có thể tái chế (thùng carton, lõi giấy...): 6.667 kg/tháng.
- Chất thải rắn không thể tái chế (tro, xỉ than...): 1.130 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là hộp nhựa, vỏ chai, bao nylon đựng thức ăn,... với khối lượng 2.520 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Đối với CTNH dạng lỏng (dầu mỡ thải, mực in): thu gom vào các can chứa có nắp đậy kín, sau đó đưa vào thùng màu trắng có nắp đậy (60 lít) bố trí trong kho chứa CTNH để lưu giữ.

- Đối với các CTNH rắn (giẻ lau dính thành phần nguy hại, bao bì, pin, bóng đèn huỳnh quang...): thu gom vào các túi nilong buộc kín miệng sau đó đưa vào thùng màu vàng có nắp đậy (120 lít) bố trí trong kho chứa CTNH để lưu giữ.

2.1.2. Kho chứa CTNH

- Diện tích kho chứa CTNH: 5,5 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa CTNH: kho kín, kết cấu khung thép, vách và mái che bằng tôn, nền bê tông, có gờ chống tràn, cửa ra vào và bảng cảnh báo, có dẫn nhãn, mã CTNH, mã cảnh báo tại các thiết bị lưu chứa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thu gom vào các túi nilong buộc kín miệng sau đó đưa về kho chứa chất thải rắn thông thường để lưu giữ.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa: 135 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kết cấu khung thép, vách phía dưới và mái lợp tôn, vách phía trên quay bằng lưới, nền bê tông; kho được chia làm 2 ngăn để chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế và không tái chế.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Công ty bố trí các thùng rác 10 lít, có nắp đậy bên trong văn phòng, các phân xưởng và dọc tuyến đường nội bộ Cơ sở; sau đó đưa về các thùng rác 120 lít tập kết tại khu vực cổng ra vào, hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Một số yêu cầu khác

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với chương trình, kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn của tỉnh ban hành theo từng thời kỳ phát triển, đã được ban hành tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025.

- Thực hiện nguyên tắc quản lý chất thải rắn sinh hoạt là tận dụng tối đa giá trị của sản phẩm thải bỏ, chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Tái sử dụng sản phẩm thải bỏ;

(2) Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì hoặc nâng cấp sản phẩm bị lỗi, sản phẩm cũ để kéo dài thời gian sử dụng;

(3) Tận dụng thành phần, linh kiện của sản phẩm thải bỏ;

(4) Chuyển giao đưa đi xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1003/GPMT-STNMT ngày 21/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI ẢNH HƯỞNG CỦA NƯỚC MƯA

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế tách biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải, cụ thể:

- Nước mưa từ mái các khối công trình được thu gom bằng máng, phễu chảy vào đường ống uPVC D90, dài 280m sau đó dẫn xuống hồ ga thu nước mưa bố trí xung quanh khu vực nhà xưởng, văn phòng... tự chảy về hệ thống thu gom nước mưa của Cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn được thu gom qua các hồ ga thu gom nước mưa (bố trí 15 hồ ga kích thước $(1,2 \times 1,2)\text{m}$) xung quanh khu vực nhà xưởng, văn phòng... bên trên có song chắn rác để lắng cát, cặn bẩn và theo hệ thống đường ống bê tông ti tâm D450, $i = 0,25\%$, dài 710m tự chảy về hồ ga tập trung có kích thước $(1,2 \times 1,2)\text{m}$.

- Toàn bộ nước mưa từ hồ ga tập trung sẽ theo đường ống bê tông li tâm D450, dài 16m thoát ra khe mương thoát nước ở phía Tây của Cơ sở bằng hình thức tự chảy tại vị trí đầu nổi có tọa độ *(theo hệ VN:2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)*: X (m): 1749153; Y (m): 537973.

- Ngoài ra, để giảm thiểu tác động phát sinh do nước mưa chảy tràn, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- + Bố trí công nhân quét dọn, vệ sinh tại khu vực cổng, đường nội bộ, sân bãi trong Cơ sở để hạn chế chất thải bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- + Định kỳ kiểm tra, nạo vét bùn đất trong các hồ ga, nhất là sau các đợt mưa lớn, kéo dài để đảm bảo thoát nước tốt.

B. YÊU CẦU VỀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính của Cơ sở chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở, từ dây chuyền sản xuất (như may, khâu, đóng gói...), hoạt động của máy phát điện dự phòng và khu vực lò hơi, máy nén khí. Công ty áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Đầu tư máy móc thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tra dầu mỡ bôi trơn các ổ trục.

- Bố trí mặt bằng và lắp đặt thiết bị hợp lý.

- Lắp đệm chống rung cho máy móc, thiết bị và máy phát điện dự phòng.

- Vận hành đúng công suất thiết kế, đúng quy trình kỹ thuật.

- Bố trí máy phát điện dự phòng trong phòng riêng có tường bao xung quanh và mái che để hạn chế lan truyền tiếng ồn ra khu vực xung quanh.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ chống ồn cho công nhân khi làm việc tại công đoạn phát sinh tiếng ồn lớn (nút bịt tai, mũ bảo hộ có chức năng chống ồn...).
- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ ca kíp hợp lý.
- Trồng cây xanh, thảm cỏ đảm bảo tổng diện tích cây xanh chiếm 15,8% diện tích toàn Cơ sở.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông, từ quá trình sản xuất; giảm thiểu nhiệt thừa và mùi hôi từ quá trình sản xuất và hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải như: lắp đặt hệ thống làm mát Cooling Pad (tấm làm mát dạng tổ ong kết hợp quạt thông gió) cho xưởng may; thiết kế, xây dựng nhà xưởng thông thoáng; trang bị đồ bảo hộ lao động, cung cấp đầy đủ nước uống cho công nhân; nạo vét hồ ga; bố trí quạt hút cưỡng bức tại các khu nhà vệ sinh; quét dọn vệ sinh nhà xưởng...

C. YÊU CẦU KHÁC

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất, sản xuất sạch hơn.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Chủ Cơ sở chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp lệ của các số liệu, văn bản, tài liệu trong Hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở.
6. Chủ Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.